

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-NLN

Lào Cai, ngày tháng năm 2022

V/v mẫu hồ sơ thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia

Kính gửi:

- Các sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và XH;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị định 98/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT- UBĐT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030) giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Thường trực UBND tỉnh hướng dẫn mẫu hồ sơ thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, như sau:

*(Kèm theo Phụ lục ban hành kèm theo văn bản này).*

Yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; thủ trưởng các sở, ngành tỉnh triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc, có báo cáo gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- CT, PCT1,2,3;
- Như kính gửi;
- CVP, PCVP3;
- Lưu: VT, TH2,4, NLN1,2,3.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Quốc Khánh**

## PHỤ LỤC I

### **Hướng dẫn Mẫu các loại hồ sơ thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ, trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(kèm theo Văn bản số: /UBND-NLN ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

#### **I. Nguyên tắc chung lựa chọn dự án phát triển sản xuất được hỗ trợ**

Thực hiện đảm bảo các nguyên tắc tại Điều 20, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai; thuộc danh mục dự án định hướng được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ưu tiên một số nội dung sau:

1. Lựa chọn các dự án hỗ trợ phát triển các ngành hàng chủ lực của địa phương, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, tạo sản phẩm sạch, an toàn, hữu cơ theo các tiêu chuẩn chứng nhận, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, quản lý mã số vùng trồng, hướng đến thị trường xuất khẩu; phù hợp với quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm nêu tại Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về Chiến lược phát triển nông nghiệp hàng hoá tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, tập trung xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ, nâng cao năng lực sơ chế, chế biến và phát triển thị trường; các dự án, mô hình thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hình thành chuỗi giá trị tập trung để củng cố, mở rộng, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm hiện có.

- Phát huy tiềm năng, thế mạnh trong phát triển nguồn nguyên liệu, có điều kiện phát triển sản xuất hàng hóa tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có sự tham gia của các tổ chức kinh tế và người dân trong vùng cùng tham gia thực hiện.

- Địa phương chưa có điều kiện thực hiện phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (các xã, thôn khó khăn nhất, xa trung tâm, cơ sở hạ tầng yếu kém, dân cư phân bố rải rác, điều kiện địa hình, đất đai hạn chế trong việc phát triển sản xuất hàng hóa với quy mô phù hợp với liên kết theo chuỗi giá trị) tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế theo cộng đồng.

3. Hỗ trợ phát triển sản xuất có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất các sản phẩm đặc sản, đặc hữu, có lợi thế so sánh, có giá trị kinh tế cao, có ý nghĩa quan trọng đối với giảm nghèo, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai, thúc đẩy bình đẳng giới, hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh.

4. Hỗ trợ phát triển sản xuất có chu kỳ đủ dài để đảm bảo tính ổn định, hiệu quả, duy trì bền vững và khả năng nhân rộng của mô hình, dự án. Đảm bảo đúng đối tượng, nội dung được hỗ trợ và quy định về quản lý nguồn vốn theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Trường hợp không áp dụng được hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thì thực hiện hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

## **II. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

**1. Nguyên tắc:** Dự án, kế hoạch liên kết phải đáp ứng được yêu cầu về đối tượng, địa bàn và điều kiện hỗ trợ được quy định tại khoản 5, Điều 20, khoản 1 Điều 21, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và khoản 1, Điều 19, Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, cụ thể:

- Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Dự án, kế hoạch liên kết phải đáp ứng được yêu cầu về tỷ lệ tham gia các đối tượng thuộc diện hỗ trợ của Chương trình theo quy định tại khoản 5, Điều 20, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ. Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động; hộ sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn. Ưu tiên dự án, kế hoạch liên kết do doanh nghiệp có phụ nữ làm chủ hoặc đồng làm chủ, hoặc hợp tác xã có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

- Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

- Địa bàn thực hiện tại các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.

### **2. Mẫu hồ sơ:**

Đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh, cụ thể:

- Đơn đề nghị của chủ trì liên kết phải đảm bảo đầy đủ các thông tin: Thông tin của đơn vị chủ trì liên kết; Thông tin chung; Đề nghị hỗ trợ của nhà nước (trong đó nêu rõ các nội dung, tổng mức vốn đầu tư dự án... Trong đó đề nghị nhà nước hỗ trợ theo các nội dung:... Nguồn vốn ngân sách đề nghị hỗ trợ Vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới hoặc giảm nghèo bền vững hoặc Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022-2025. Số vốn đề nghị được vay ưu đãi thực hiện dự án... Vốn do chủ trì liên kết và cộng đồng tự đối ứng...); Cam kết; Tài liệu kèm theo (hồ sơ năng lực).

*(Mẫu hồ sơ số 01)*

- Dự án liên kết, gồm 3 phần: Phần I Giới thiệu về dự án liên kết; Phần II Nội dung liên kết; Phần III Tổ chức thực hiện và kiến nghị. Hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết, gồm 6 phần: thông tin chung về quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; nội dung của liên kết; các nội dung đề nghị hỗ trợ; dự kiến hiệu quả và tác động của chính sách hỗ trợ; kế hoạch tiến độ và tổ chức thực hiện; kiến nghị.

(Mẫu hồ sơ số 02, 03)

(Ghi chú: Dự án liên kết áp dụng cho các liên kết có xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc mô hình khuyến nông; kế hoạch liên kết áp dụng cho việc liên kết tiêu thụ sản phẩm).

- Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết (đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau), gồm một số nội dung chính: Thông tin các đơn vị tham gia liên kết; Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ trì liên kết; Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết...

(Mẫu hồ sơ số 04)

- Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

(Mẫu hồ sơ số 05)

- Bản phô tô hợp đồng liên kết (Áp dụng đối với liên kết đã có; đối với liên kết mới chủ trì liên kết phải ký hợp đồng liên kết với các hộ sản xuất mẫu tham khảo)

(Mẫu hồ sơ số 06)

### III. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

**1. Nguyên tắc:** Dự án, kế hoạch sản xuất của cộng đồng phải đáp ứng được yêu cầu về đối tượng, địa bàn và điều kiện hỗ trợ được quy định tại khoản 5, Điều 20, khoản 1, Điều 22, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ và khoản 1, Điều 20, Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, cụ thể:

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.

- Hộ tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

- Dự án phải đáp ứng được yêu cầu về tỷ lệ tham gia các đối tượng thuộc diện hỗ trợ của Chương trình theo quy định tại khoản 5, Điều 20, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ; trong đó, tỷ lệ tham gia dự án của người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tối thiểu 70%. Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động

hoặc chưa đến độ tuổi lao động. Ưu tiên dự án do nhóm hộ, tổ hợp tác có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

- Địa bàn thực hiện tại các xã thôn đặc biệt khó khăn, thôn thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

## **2. Mẫu hồ sơ:**

Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, phương án sản xuất theo quy định tại khoản 3, Điều 14, Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh, thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị của cộng đồng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin: Thông tin về cộng đồng dân cư, người đại diện; thông tin chung; đề nghị hỗ trợ của nhà nước; cam kết; tài liệu đính kèm...

*(Mẫu hồ sơ số 07)*

- Biên bản họp cộng đồng đảm bảo thống nhất một số nội dung sau: Thống nhất cử đại diện cộng đồng dân cư; mục tiêu dự án; đối tượng tham gia; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia; hình thức, mức quay vòng; dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp...

*(Mẫu hồ sơ số 08)*

- Dự án hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ của cộng đồng, gồm: Thông tin cộng đồng dân cư; mục tiêu của dự án/kế hoạch; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; các hoạt động; lưu ý nội dung dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia.

*(Mẫu hồ sơ số 09)*

- Bản phô tô hợp đồng tiêu thụ sản phẩm (nếu có) (Áp dụng đối với tiêu thụ sản phẩm đã có hợp đồng; đối với liên kết mới cộng đồng dân cư lập hợp đồng tiêu thụ sản phẩm tham khảo tại *mẫu hồ sơ số 10*)

## **IV. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

Thực hiện theo khoản 4, Điều 23, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Điều 15, Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 19/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

*(có Mẫu hồ sơ kèm theo)*

**PHỤ LỤC II**  
**TỔNG HỢP MẪU HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT**  
**THUỘC CÁC TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**  
*(kèm theo Văn bản số: /UBND-NLN ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

Loại hồ sơ	Mẫu hồ sơ số	Ghi chú
<b>1. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị</b>	<b>Phụ lục II-1</b>	
Đơn đề nghị	01	
Dự án liên kết	02	
Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết	03	
Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết	04	
Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.	05	
Hợp đồng liên kết	06	Đơn vị chủ trì liên kết tham khảo nếu chưa có hợp đồng liên kết
<b>2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng</b>	<b>Phụ lục II-2</b>	
Đơn đề nghị cộng đồng	07	
Biên bản họp cộng đồng	08	
Dự án hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ của cộng đồng	09	
Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm	10	Cộng đồng dân cư tham khảo nếu chưa có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm
<b>3. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ</b>	<b>Phụ lục II-3</b>	
Quyết định về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước	11	
Biên bản nghiệm thu đặt hàng về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước	12	
Hợp đồng về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích)	13	
Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích)	14	

## **PHỤ LỤC II-1**

### **MẪU HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

#### **I. Định nghĩa**

1. Hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây gọi chung là liên kết) là việc thỏa thuận, tự nguyện cùng đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của các đối tượng tại khoản 1, 2, 3, 4, Điều 2, Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây gọi chung là các bên tham gia liên kết) để nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

2. Liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp là hình thức liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sản xuất, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (sau đây gọi chung là liên kết chuỗi giá trị). Các hình thức liên kết cụ thể quy định tại Điều 4 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

3. Vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: Là vùng sản xuất tập trung một hay một nhóm sản phẩm nông nghiệp cùng loại có quy mô phù hợp với từng loại hình sản xuất và điều kiện của mỗi địa phương, tuân thủ các quy định của Nhà nước về an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, có liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

#### **II. Mẫu hồ sơ**

1. Mẫu số 01: Đơn đề nghị
2. Mẫu số 02: Dự án liên kết
4. Mẫu số 03: Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết
5. Mẫu số 04: Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết
6. Mẫu số 05: Bản cam kết
7. Mẫu số 06: Hợp đồng liên kết



**TÊN ĐỐI TƯỢNG  
THAM GIA LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thực hiện chương trình MTQG.. (Xây dựng nông thôn mới hoặc Giảm nghèo bền vững hoặc Phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2022 - 2025)**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh  
(thành phố) ..... (hoặc UBND huyện.....)

Đơn vị chủ trì liên kết:.....Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ: .....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, căn cứ “*Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết chuỗi giá trị thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021- 2025*”(tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị .....

(tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết: .....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Quy mô liên kết: .....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

**II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC**

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: .....

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: .....

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông: .....

4. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn: .....

5. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm: .....

6. Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới: .....

7. Vốn tín dụng: .....

Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ .....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

(Trong đó nêu rõ các nội dung Tổng mức vốn đầu tư dự án: .....; Trong đó đề nghị nhà nước hỗ trợ theo các nội dung:...”; “Nguồn vốn ngân sách đề nghị hỗ trợ: Vốn thực hiện Chương trình MTQG: Xây dựng nông thôn mới hoặc Giảm nghèo bền vững hoặc Phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2022- 2025.”; “Số vốn đề nghị được vay ưu đãi thực hiện dự án:.....); vốn do chủ trì liên kết và cộng đồng tự đối ứng

III. CAM KẾT: ..... (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): Bản đồ hoặc sơ đồ vùng sản xuất; hồ sơ năng lực (mẫu đính kèm 02a); ..... ./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu:

**ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ  
LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**DỰ ÁN LIÊN KẾT**

..... thuộc CTMTQG.....(Xây dựng nông thôn mới  
hoặc Giảm nghèo bền vững hoặc Phát triển KTXH vùng đồng bào  
DTTS&MN giai đoạn 2022- 2025)

**Phần I**

**GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT**

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT: .....

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail .....

b) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail .....

c) .....

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết) .....

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT: .....

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết) .....

## **Phần II** **NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT**

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...

2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....

2. Quy mô liên kết: .....

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....

4. Hình thức liên kết: .....

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...) .....

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...) .....

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...) .....

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí, .....) .....

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí, .....

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...) .....

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, bao gồm vốn vay và vốn của chủ trì, cộng đồng).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, ) .....

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ .....

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết): .....

## V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội): .....

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

## Phần III

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

#### I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ trì liên kết xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

#### II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

### ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

## HỒ SƠ NĂNG LỰC CỦA ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT VÀ NĂNG LỰC CỦA CÁC THÀNH VIÊN LIÊN KẾT

Tên tổ chức: ..... Năm thành lập:..... Địa chỉ:..... Điện thoại: .....Fax:.....Email:.....				
<b>1. Chức năng nhiệm vụ và loại hình sản xuất, kinh doanh (<i>minh chứng các lĩnh vực liên quan đến dự án đề xuất</i>)</b>				
<b>2. Tổng số cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên có chuyên môn phù hợp với nội dung dự án của tổ chức</b> - Tiến sỹ: - Thạc sỹ: - Đại học: - Cao đẳng và trung cấp kỹ thuật:				
<b>3. Kinh nghiệm và thành tựu trong 5 năm gần nhất liên quan đến việc tiếp nhận và triển khai công nghệ của Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm dự án (nêu thành tựu cụ thể trong tiếp nhận, triển khai công nghệ và chỉ đạo sản xuất kinh doanh)</b>				
<b>4. Cơ sở vật chất kỹ thuật và những lợi thế để thực hiện dự án</b> - Nhà xưởng, điều kiện về mặt bằng triển khai dự án:  - Thiết bị máy móc sẵn có phục vụ cho việc triển khai dự án:				
<b>5. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách) để thực hiện dự án</b> - Vốn tự có: ..... triệu đồng - Nguồn vốn khác: ..... triệu đồng				
<b>6. Năng lực tài chính</b>				
STT	Nội dung	Năm ____	Năm ____	Năm ____
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Tổng nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			
8	Các nội dung khác (nếu có)			
<b>7. Các giấy tờ kèm theo chứng minh năng lực</b> <b>7.1. Hồ sơ pháp lý</b> - Bản sao có chứng thực hoặc công chứng các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:				

- (i) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
- (ii) Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).
- (iii) Điều lệ của doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác.
- (iv) Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ tổ chức hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
- (v) Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.
- Bản gốc/bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền chủ sở hữu doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác chấp thuận/phê duyệt cho doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác có quy định).
  - Bản gốc/bản chính/bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).
- 7.2. Hồ sơ về tài chính và sản xuất kinh doanh của khách hàng
- Báo cáo tài chính tối thiểu 02 năm hoặc báo cáo gần nhất đối với trường hợp thành lập dưới 02 năm, gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
  - Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính trong năm kế hoạch.
- 7.3. Giấy tờ, hồ sơ chứng minh đối với tài sản để bảo đảm tiền vay.
- 7.4. Danh sách sử dụng lao động của khách hàng đến thời điểm vay vốn  
Bao gồm: Tên lao động, số CCCD, Dân tộc, Loại hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng lao động.

....., ngày ..... tháng ..... năm 20...  
**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT DỰ ÁN**

**KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT****I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**

1. Chủ trì liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
  - Chức vụ: .....
  - Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

- a) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
  - Chức vụ: .....
  - Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại: ....., Fax: ..... E-mail .....
- b) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
  - Chức vụ: .....
  - Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp: .....
  - Địa chỉ: .....
  - Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail .....
- c) .....

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết) .....

4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết

5. Địa điểm thực hiện liên kết: .....

**II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT**

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....
- Quy mô liên kết: .....
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....
- Hình thức liên kết: .....
- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

**III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**



1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.(nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...).....- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn.(số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí, .....)

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí, ..... ) - Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...) .....

- Thời gian và kinh phí hỗ trợ

+ Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, ) .....

+ Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ .....

- Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết): .....

- Vốn vay

*(Trong đó nêu rõ các nội dung Tổng mức vốn đầu tư dự án:.....; Trong đó đề nghị nhà nước hỗ trợ theo các nội dung:...”; “Nguồn vốn ngân sách đề nghị hỗ trợ: Vốn thực hiện Chương trình MTQG: Xây dựng nông thôn mới hoặc Giảm nghèo bền vững hoặc Phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2022- 2025.”; “Số vốn đề nghị được vay ưu đãi thực hiện dự án:....)*

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, ).

#### IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

- hiệu quả về kinh tế

- hiệu quả về xã hội

- hiệu quả về môi trường

- .....

#### V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### VI. KIẾN NGHỊ

**CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**BẢN THỎA THUẬN  
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM  
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

Ngày ..... tháng ..... năm ....., tại .....,

..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ....., Fax: ..... E-mail .....

2. Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ....., Fax: ..... E-mail .....

3. ....

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ trì liên kết, như sau:

**I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT): .....**

**II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT**

1. Địa bàn liên kết: .....

2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....

3. Quy mô liên kết: .....

4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

**III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: ..... đồng, trong đó:**

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: ..... đồng

2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: ..... đồng

- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): ..... đồng

- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): ..... đồng

3. Các nguồn vốn khác: ..... đồng

**IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT**

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết) .....

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận .....

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành .....bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ .....bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữ .....bản./.

### **Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết**

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BẢN CAM KẾT**

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

Kính gửi: .....  
 (tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ trì liên kết: .....,

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ....., Fax: ..... E-mail: .....

Mã số thuế .....

Sản phẩm liên kết:

n kết: .....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt

Lâm nghiệp

Chăn nuôi

Nuôi trồng thủy sản

Khai thác, sản xuất muối

Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**  
 (Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**HỢP ĐỒNG**  
**LIÊN KẾT.....**  
 Số: ...../HĐLK

*Căn cứ:*

- Bộ luật dân sự năm 2015;

- .....

*Hôm nay, ngày..... tháng ..... năm 20.... tại .....hai bên gồm:*

**BÊN A: DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN ....**

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Mã số thuế: .....

Tài khoản: .....

Do ông/bà: .....

Chức vụ: ..... làm đại diện.

**BÊN B: TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN/NÔNG DÂN.....**

Do ông/bà :..... Chức vụ: ..... làm đại diện.

CMND số:..... ngày cấp ..... nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Tài khoản: .....

*Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:*

**Điều 1. Nội dung chính**

1. Bên B đồng ý Hợp đồng sản xuất và bán (tiêu thụ) ..... cho bên A:

- Thời gian sản xuất: từ ngày.. tháng .... năm .. đến ngày... tháng ....năm.....

- Diện tích: ..... ha.

- Sản lượng dự kiến: ..... tấn.

- Địa điểm: .....

2. Bên A bán (trả ngay hoặc ghi nợ) cho bên B giống, vật tư phục vụ sản xuất cụ thể như sau:

Tên sản phẩm	Diện tích sản xuất (ha)	Số lượng (tấn)	Đơn giá (đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
1.				
2.				
Tổng cộng				

3. Nếu bên B tự mua (*tên giống hoặc vật tư*) ..... : ..... (*tên giống hoặc vật tư*) mà bên B tự mua phải là loại ..... đạt tiêu chuẩn, chất lượng của giống ....., được sự chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B bán ..... hàng hóa cho bên A:

- Số lượng tạm tính: .....

- Với quy cách, chất lượng, phương thức kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm..... do hai bên đã thoả thuận được ghi ở Điều 3 dưới đây và với số lượng thực tế khi thu hoạch.

#### **Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận và bốc xếp**

1. Thời gian giao hàng

2. Địa điểm giao, nhận hàng

3. Bốc xếp, vận chuyển, giao nhận

#### **Điều 3. Giá cả và phương thức thanh toán, địa điểm giao hàng**

1. Giống và vật tư nông nghiệp (*áp dụng cho trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B*):

- Giá các loại vật tư, phân bón, công lao động

- Phương thức thanh toán

- Thời hạn thanh toán

2. Sản phẩm hàng hóa

- Tiêu chuẩn: (các tiêu chuẩn sản phẩm hàng hóa phải đạt được).

- Giá nông sản dự kiến (giá trên thị trường tại thời điểm thu hoạch hoặc giá sàn hoặc mức bù giá....)

- Phương thức và thời điểm thanh toán

3. Địa điểm giao hàng

- Ghi rõ địa điểm bên B giao sản phẩm nông sản hàng hoá cho bên A

#### **Điều 4. Trách nhiệm bên A**

- Giới thiệu doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp (*phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn*) cho bên B nếu bên B có nhu cầu.

- Đảm bảo giao giống đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, qui cách và thời hạn đã cam kết (*đối với trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B giống phục vụ sản xuất*)

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách - phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.

- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A (*căn cứ theo lịch điều phối của bên A*).
- Cung cấp bao bì đựng ..... cho bên B (*nếu có yêu cầu*) sau khi đạt được thỏa thuận mua bán giữa hai bên.

- .....

#### **Điều 5. Trách nhiệm bên B**

- Bên B phải tuân thủ các qui trình canh tác theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông nghiệp.
- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách về phẩm chất, số lượng (*theo thực tế thu hoạch*), đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.
- Cung cấp cho bên A các thông tin về quá trình canh tác, thời gian thu hoạch, địa điểm giao hàng v.v....
- Lập danh sách hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất trong cánh đồng lớn (*có danh sách kèm theo hợp đồng*).

- .....

#### **Điều 6. Xử lý vi phạm**

##### 1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.

##### 2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

#### **Điều 7. Điều khoản chung**

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.
2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra toà án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng được lập thành .. bản, mỗi bên giữ .. bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**PHỤ LỤC II-2**  
**MẪU HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

1. Mẫu số 7: Đơn đề nghị cộng đồng
2. Mẫu số 8: Biên bản họp cộng đồng
3. Mẫu số 9: Dự án hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ của cộng đồng
4. Mẫu số 10: Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm



**CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**V/v hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện Chương trình MTQG.....  
 (Xây dựng nông thôn mới hoặc Giảm nghèo bền vững hoặc Phát triển KTXH  
 vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2022 - 2025)**

Kính gửi: UBND xã..... (hoặc UBND huyện.....)

Cộng đồng dân cư:.....

Người đại diện .....

Chức vụ: .....

CMTND/CCCD..... ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, (Cộng đồng dân cư) đề nghị..... (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng):

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Loại sản phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất: .....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Quy mô : .....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

**II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC**

1. Hỗ trợ Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

2. Hỗ trợ Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

3. Hỗ trợ Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

4. Hỗ trợ: .....

Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ .....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

(III. CAM KẾT: ..... (tên Cộng đồng dân cư) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. đảm bảo thực hiện thu hồi vốn quay vòng theo quy định
5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): hợp đồng tiêu thụ sản phẩm (mẫu tham khảo đính kèm)..... ./.

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**  
*(Ký, ghi họ tên)*

***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- Lưu:

UBND XÃ .....  
THÔN .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

### **BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG**

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ....., tại thôn ....., xã ....., huyện ..... nhóm hộ (tổ hợp tác) đã tổ chức họp để lựa chọn các hộ đủ điều kiện, đăng ký tham gia dự án ....., như sau:

#### I. Chủ trì cuộc họp:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ: Trưởng thôn

- Thư ký cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ.....

#### II. Thành phần tham gia:

- Đại diện UBND xã: .....

- Đại diện thôn (nơi triển khai dự án).....

- Đại diện nhóm hộ (Tổ hợp tác):.....

- Số hộ tham gia: .....hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn thôn.

#### III. Nội dung cuộc họp

1. Thống nhất cử đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo): *Thống nhất tên dự án: .....; Thông qua nội dung, điều kiện và cơ chế hỗ trợ; Bình xét hộ đủ điều kiện về đất đai, lao động tham gia dự án; Tổng số hộ tham cuộc họp bình xét:.....hộ; Tổng số hộ được lựa chọn tham gia dự án: ....hộ, trong đó: hộ nghèo... hộ, hộ cận nghèo:... hộ, hộ mới thoát nghèo..hộ; lập danh sách các đối tượng tham gia dự án”.*

3. Đối tượng tham gia: .....

4. Thời gian triển khai: .....

5. Địa bàn thực hiện: .....

6. Các hoạt động của dự án: .....

7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia : .....

8. Hình thức, mức quay vòng: .....

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp: .....

10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết : .....

11. Tổ chức thực hiện dự án: .....

12. Các nội dung liên quan khác .....

Cuộc họp đã kết thúc vào .... giờ cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

**Thư ký**

**Đại diện nhóm hộ/Tổ hợp  
tác/cộng đồng**

**Trưởng thôn**

**Đại diện UBND Xã**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**(Đề cương dự án/kế hoạch hỗ trợ sản xuất cộng đồng )**  
**TÊN DỰ ÁN/KẾ HOẠCH .....**  
**thuộc CTMTQG.... (Xây dựng nông thôn mới hoặc Giảm nghèo bền vững**  
**hoặc Phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2022 - 2025)**

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo): .....
3. Đối tượng tham gia: .....
4. Thời gian triển khai: .....
5. Địa bàn thực hiện: .....
6. Các hoạt động của dự án: (nêu cụ thể các hoạt động của dự án ví dụ: tập huấn về sản xuất chè cho 45 hộ; hỗ trợ giống chè cho 5 ha....).....
7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia
  - Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...) .....
  - Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí, .....
  - Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí, .....
  - Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...) .....
  - Đối ứng của đối tượng tham gia (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm vốn của cộng đồng).
  - vốn vay tín dụng: gia (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, ).
  - Thời gian và kinh phí hỗ trợ
    - + Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, ) .....
    - + Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ .....

- Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết): .....

8. Hình thức, mức quay vòng : (nêu rõ số tiền quay vòng phải thu, hình thức thu, thời gian thu...).

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; (nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường.....)

10. trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp: (nêu rõ trách nhiệm của các bên có liên quan).....

10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết : .....

11. Tổ chức thực hiện dự án: .....

12. Các nội dung liên quan khác .....

13. Đề nghị (cấp có thẩm quyền)..... xem xét quyết định hỗ trợ.

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CU**  
(*ký, ghi rõ họ tên*)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**HỢP ĐỒNG**  
**TIÊU THỤ SẢN PHẨM.....**  
Số: ...../HĐLK

*Căn cứ:*

- Bộ luật dân sự năm 2015;

- .....

*Hôm nay, ngày..... tháng ..... năm 20.... tại ....., hai bên gồm:*

**BÊN A: DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN ...**

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Mã số thuế: .....

Tài khoản: .....

Do ông/bà: .....

Chức vụ: ..... làm đại diện.

**BÊN B: TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA NÔNG DÂN/NÔNG DÂN.....**

Do ông/bà :..... Chức vụ: ..... làm đại diện.

CMND số:..... ngày cấp ..... nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Tài khoản: .....

*Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:*

**Điều 1. Nội dung chính**

1. Bên B đồng ý Hợp đồng sản xuất và bán (tiêu thụ) ..... cho bên A:

- Thời gian sản xuất: từ ngày... tháng .. năm .. đến ngày.. Tháng..năm....

- Diện tích: ..... ha.

- Sản lượng dự kiến: ..... tấn.

- Địa điểm: .....

2. Bên A bán (trả ngay hoặc ghi nợ) cho bên B giống, vật tư phục vụ sản xuất cụ thể như sau:

<b>Tên sản phẩm</b>	<b>Diện tích sản xuất (ha)</b>	<b>Số lượng (tấn)</b>	<b>Đơn giá (đồng/tấn)</b>	<b>Thành tiền (đồng)</b>
1.				
Tổng cộng				

3. Nếu bên B tự mua (*tên giống hoặc vật tư*) ..... : ..... (*tên giống hoặc vật tư*) mà bên B tự mua phải là loại ..... đạt tiêu chuẩn, chất lượng của giống ....., được sự chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B bán ..... hàng hóa cho bên A:

- Số lượng tạm tính: .....

- Với quy cách, chất lượng, phương thức kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm..... do hai bên đã thoả thuận được ghi ở Điều 3 dưới đây và với số lượng thực tế khi thu hoạch.

### **Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận và bốc xếp**

1. Thời gian giao hàng

2. Địa điểm giao, nhận hàng

3. Bốc xếp, vận chuyển, giao nhận

### **Điều 3. Giá cả và phương thức thanh toán, địa điểm giao hàng**

1. Giống và vật tư nông nghiệp (*áp dụng cho trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B*):

- Giá các loại vật tư, phân bón, công lao động

- Phương thức thanh toán

- Thời hạn thanh toán

2. Sản phẩm hàng hóa

- Tiêu chuẩn: (các tiêu chuẩn sản phẩm hàng hóa phải đạt được).

- Giá nông sản dự kiến (giá trên thị trường tại thời điểm thu hoạch hoặc giá sàn hoặc mức bù giá....)

- Phương thức và thời điểm thanh toán

3. Địa điểm giao hàng

- Ghi rõ địa điểm bên B giao sản phẩm nông sản hàng hoá cho bên A

### **Điều 4. Trách nhiệm bên A**

- Giới thiệu doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp (*phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn*) cho bên B nếu bên B có nhu cầu.

- Đảm bảo giao giống đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, qui cách và thời hạn đã cam kết (*đối với trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B giống phục vụ sản xuất*)

- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách - phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.

- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A *(căn cứ theo lịch điều phối của bên A)*.
- Cung cấp bao bì đựng ..... cho bên B *(nếu có yêu cầu)* sau khi đạt được thỏa thuận mua bán giữa hai bên.

- .....

### **Điều 5. Trách nhiệm bên B**

- Bên B phải tuân thủ các qui trình canh tác theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông nghiệp.
- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách về phẩm chất, số lượng *(theo thực tế thu hoạch)*, đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.
- Cung cấp cho bên A các thông tin về quá trình canh tác, thời gian thu hoạch, địa điểm giao hàng v.v....
- Lập danh sách hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất trong cánh đồng lớn *(có danh sách kèm theo hợp đồng)*.

- .....

### **Điều 6. Xử lý vi phạm**

#### 1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.

#### 2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

### **Điều 7. Điều khoản chung**

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.

2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra toà án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng được lập thành .. bản, mỗi bên giữ .... bản có giá trị ngang nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**PHỤ LỤC II-3**  
**MẪU HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO NHIỆM VỤ**

1. Mẫu số 11: Quyết định về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước
2. Mẫu số 12: Biên bản nghiệm thu đặt hàng về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước
3. Mẫu số 13: Hợp đồng về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích)
4. Mẫu số 14: Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích)

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
 CHỦ QUẢN TRỰC TIẾP  
 (NẾU CÓ)  
 TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
 -----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
 -----

Số: ... .. /QĐ-....

..., ngày... tháng... năm ...

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh  
 phí ngân sách nhà nước**

### **THẨM QUYỀN BAN HÀNH<sup>1</sup>**

Căn cứ Nghị định số / /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định/Quyết định... quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị .....

Căn cứ Quyết định về giao dự toán ngân sách năm ...

Căn cứ ...

Xét đề nghị của ...

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước năm... cho đơn vị sự nghiệp công lập..., với các nội dung chính như sau:

1. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ...

a) Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng.

b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành.

d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

đ) Dự toán kinh phí đặt hàng, trong đó chi tiết theo các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng (theo giá tính đủ chi phí) hoặc kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp giá chưa tính đủ chi phí).

- Nguồn phí được để lại chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo pháp luật về phí và lệ phí.

- Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá.

- Nguồn khác (nếu có).

e) Phương thức thanh toán, quyết toán;

g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm;

h) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

i) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đặt hàng;

k) Ngoài ra, có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

\* Ngoài các nội dung đặt hàng nêu trên, các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương có thể bổ sung một số nội dung khác về đặt hàng để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo nội dung đặt hàng theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

2. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ... (nội dung như khoản 1 nêu trên).

3. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ... (nội dung như khoản 1 nêu trên).

Điều 2. Căn cứ đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, Thủ trưởng đơn vị... thực hiện theo đúng nội dung đặt hàng tại Điều 1 Quyết định này, quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Thủ trưởng đơn vị ... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA  
NGƯỜI KÝ  
(Chữ ký, dấu)**

**Họ và tên**

<sup>1</sup> Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
..., ngày.... tháng.... năm....

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐẶT HÀNG**  
**Về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước**

Căn cứ Nghị định số / /NĐ-CP ngày....tháng...năm... của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định/Quyết định... quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị..

Căn cứ Quyết định số... của bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập...

Căn cứ Biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước...

Căn cứ .....

Hôm nay, ngày .... tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện cơ quan, tổ chức đặt hàng:

+ Ông/bà....., chức vụ .....

+ Ông/bà....., chức vụ .....

+ .....

- Đại diện đơn vị sự nghiệp công lập nhận đặt hàng...

+ Ông/bà....., chức vụ .....

+ Ông/bà....., chức vụ .....

+ .....

Hai bên thống nhất nghiệm thu đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước như sau:

1. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ...

a) Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng.

b) Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công được nghiệm thu.

c) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

d) Đơn giá, giá đặt hàng tại quyết định đặt hàng.

đ) Đơn giá, giá điều chỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có).

e) Dự toán kinh phí đặt hàng theo quyết định đặt hàng.

g) Quyết toán kinh phí đặt hàng (chi tiết theo số lượng, khối lượng thực hiện từng thời điểm và theo đơn giá, giá đặt hàng hoặc đơn giá, giá điều chỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền).

h) Kinh phí còn được cấp tiếp hoặc thừa nộp trả lại ngân sách.

i) Nội dung khác (nếu có).

\* Ý kiến của cơ quan, tổ chức đặt hàng.

\* Ý kiến của đơn vị sự nghiệp công lập nhận đặt hàng.

2. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước... (nội dung nghiệm thu như điểm 1 nêu trên).

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ  
SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**  
(*Chữ ký, dấu*)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN,  
TỔ CHỨC ĐẶT HÀNG**  
(*Chữ ký, dấu*)

**Họ và tên**

**Họ và tên**

**Số .../HDKT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm ...

**HỢP ĐỒNG****Về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước  
(hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích)**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số / /NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định/Quyết định... quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị..

Căn cứ Quyết định về giao dự toán ngân sách năm .....

Căn cứ .....

Hôm nay, ngày .... tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan, tổ chức ký Hợp đồng đặt hàng: .....

+ Địa chỉ: .....

+ Điện thoại: ....., Fax: .....

+ Mã số thuế (nếu có): ..... khoản: .....

+ Do ông, bà: .....

+ Chức vụ: ..... làm đại diện

- Đại diện bên B (đơn vị nhận Hợp đồng đặt hàng: .....

+ Địa chỉ: .....

+ Điện thoại: ....., Fax: .....

+ Mã số thuế: .....

+ Tài khoản: .....

+ Do ông (bà): .....

+ Chức vụ: ..... làm đại diện

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng đặt hàng với các điều kiện sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng đặt hàng

1. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng (hoặc danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích đặt hàng):

a) Số lượng, khối lượng đặt hàng.

b) Chất lượng sản phẩm.

c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành.

d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

đ) Giá trị hợp đồng, trong đó chi tiết theo các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng (theo giá tính đủ chi phí) hoặc kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp giá chưa tính đủ chi phí).

- Nguồn phí được để lại chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo pháp luật về phí và lệ phí.

- Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá.

- Nguồn khác (nếu có).

e) Phương thức thanh toán, quyết toán.

g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm.

h) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

i) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đặt hàng.

k) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng; phương thức giải quyết.

l) Ngoài ra, các bên có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

2. Đối với hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, ngoài các nội dung tại điểm 1 nêu trên, tùy theo tính chất sản phẩm đặt hàng để bổ sung các nội dung sau:

- Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích được trợ giá.

- Mức trợ giá, số tiền được trợ giá.

- Doanh thu, chi phí sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Chi phí hợp lý sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Giá tiêu thụ; giá sản phẩm dịch vụ.

- Giao hàng: thời gian, địa điểm, phương thức.

- Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng và phương thức giải quyết.

- Nội dung quy định khác theo pháp luật chuyên ngành (nếu có).

3. Ngoài các nội dung hợp đồng đặt hàng tại điểm 1 và điểm 2 nêu trên, các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương có thể bổ sung một số nội dung khác về hợp đồng đặt hàng để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo mẫu hợp đồng theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 2. Trách nhiệm mỗi bên

Điều 3. Điều khoản khác .....

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
(Chữ ký, dấu)

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Họ và tên

**Số:.../BBTLHD****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**.....  
..., ngày... tháng... năm ...**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, THANH LÝ HỢP ĐỒNG**  
**V/v cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước**  
**(hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích)**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số / /NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định/Quyết định .....

Căn cứ Hợp đồng số .....

Căn cứ vào báo cáo kết quả cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích);

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm đặt hàng .....

Căn cứ .....

Hôm nay, ngày.... tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan, tổ chức ký Hợp đồng đặt hàng: .....) )

+ Địa chỉ: .....

+ Điện thoại: ....., Fax: .....

+ Mã số thuế (nếu có): .....

+ Tài khoản: .....

+ Chức vụ: ..... làm đại diện

- Đại diện bên B (đơn vị nhận Hợp đồng đặt hàng: .....) )

+ Địa chỉ: .....

+ Điện thoại: ....., Fax: .....

+ Mã số thuế: .....

+ Tài khoản: .....

+ Do ông (bà): .....

+ Chức vụ: ..... làm đại diện.

Hai bên thống nhất nghiệm thu, thanh lý hợp đồng đặt hàng cung cấp dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích) như sau:

- Số lượng, khối lượng sản phẩm theo hợp đồng: .....

- Số lượng, khối lượng sản phẩm đặt hàng được nghiệm thu: .....

- Đơn giá, giá đặt hàng theo hợp đồng: .....



- Đơn giá, giá điều chỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có): ...
- Giá trị hợp đồng: .....
- Giá trị thanh toán: .....
- Kinh phí đã được cấp ứng: .....
- Kinh phí còn được cấp tiếp hoặc thừa nộp trả lại ngân sách: .....
- \* Trường hợp hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, có thể bổ sung các nội dung như sau:
  - Kinh phí được trợ giá theo hợp đồng: .....
  - Kinh phí được trợ giá theo kết quả nghiệm thu: .....
  - Kinh phí trợ giá đã được cấp ứng: .....
  - Kinh phí trợ giá được cấp tiếp hoặc thừa nộp trả ngân sách: .....
  - \* Nội dung khác (nếu có).
  - \* Ý kiến của cơ quan, tổ chức đặt hàng (bên A): .....
  - \* Ý kiến của đơn vị nhận đặt hàng (bên B): .....

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
(*Chữ ký, dấu*)

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
(*Chữ ký, dấu*)

**Họ và tên**

**Họ và tên**